

1. MÔN TOÁN 7 – TUẦN 4

(GV chưa gửi)

2. MÔN NGỮ VĂN 7 – TUẦN 4

Tiết 13. Tập làm văn: TẠO LẬP VĂN BẢN (tt)

Đề bài:

Em hãy viết một bức thư đề tham dự cuộc thi UPU với đề tài: *Thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình.*

- Định hướng: Em sẽ viết cho ai? Người bất kì hay tên cụ thể, người lớn hay trẻ em, bạn Việt Nam hay bạn nước ngoài?

2- Tìm ý:

3- Bố cục:

Phần đầu thư:

+ Địa chỉ, ngày, tháng, năm

+ Lời xưng hô

+ Lí do viết thư (Do đọc sách báo, xem truyền hình về đất nước bạn, liên tưởng đến đất nước mình,..)

- Nội dung của bức thư:

+ Hỏi thăm sức khỏe của bạn, gia đình

+ Ca ngợi tổ quốc bạn.

+ Giới thiệu về đất nước mình.

- Cuối thư:

+ Lời chào, lời chúc

+ Lời mời bạn đến thăm đất nước Việt Nam.

+ Mong tình bạn hai nước ngày càng khăng khít.

4- Viết thành văn:

Bài tập: Em viết phần đầu của bức thư cho người bạn thân của em ở phương xa.

Tiết 14: NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN

I- Tìm hiểu chung

1- Đọc:

2- Hiểu chú thích:

II- Hiểu chi tiết văn bản:

Bài 2:

- điệp ngữ: thương thay

- ẩn dụ: con tầm, lũ kiến, hạc, cuốc

- Cuộc đời lận đận, nổi khổ nhiều bề của người lao động trong xã hội cũ. Đồng thời lên án, tố cáo xã hội phong kiến.

* Ý nghĩa:

Một khía cạnh làm nên giá trị của ca dao là thể hiện tinh thần nhân đạo, cảm thông, chia sẻ với những con người gặp cảnh ngộ đắng cay, khổ cực.

III- Tổng kết:

- Nghệ thuật:

- Nội dung:

Ghi nhớ: SGK

III. Luyện tập: Nêu cảm nghĩ của em về một bài ca dao mà em thích?

I- Tìm hiểu chung:

1- Đọc:

2- Hiểu chú thích:

II- Tìm hiểu văn bản

Bài 1:

- Đây là bức tranh biếm họa về một nhân vật.
- Cách nói ngược, đối lập, lặp từ
- Bài ca chế giễu những hạng người nghiện ngập và lười biếng.

✽ Ý nghĩa:

Ca dao châm biếm thể hiện tinh thần phê phán mang tính dân chủ của những con người thuộc tầng lớp bình dân.

III- Tổng kết:

- Nghệ thuật:
- Nội dung:

Ghi nhớ: SGK

IV- Luyện tập:

Bài 1:

- Cả hai bài đều có nội dung và nghệ thuật châm biếm.

Bài 2:

Nội dung và nghệ thuật gây cười nhưng cách thể hiện trong truyện khác ca dao.

Tiết 15-Tiếng Việt: ĐẠI TỪ

I- Thế nào là đại từ?

1- Ví dụ:

a) Gia đình tôi khá giả. Anh em tôi rất thương nhau. Phải nói em tôi rất ngoan. Nó lại khéo tay nữa.

(*Khánh Hoài*)

b) Chợt con gà trống ở phía sau bếp nổi gáy. Tôi biết đó là con gà của anh Bốn Linh. Tiếng nó đồng loạt nhất xóm.

(*Võ Quảng*)

c) Mẹ tôi, giọng khản đặc, từ trong màn nói vọng ra:

- Thôi, hai đứa liệu mà đem chia đồ chơi ra đi.

Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi.

(*Khánh Hoài*)

d) Nước non lận đận một mình
Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay.

Ai làm cho bề kia đây,
Cho ao kia cạn, cho gầy cò con.

(*ca dao*)

2- Ghi nhớ:

- Đại từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất... được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi.
- Trong câu, đại từ có thể đảm nhiệm vai trò chủ ngữ, vị ngữ; trong cụm từ, đại từ có thể đảm nhiệm vai trò phụ ngữ của danh từ, động từ, tính từ.

II- Các loại đại từ:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 4

1- Đại từ để trả:

- Đại từ để trả dùng để trả người, sự vật, số lượng, hoạt động, tính chất, sự việc. Đại từ trả người, sự vật gọi là đại từ xưng hô,

2- Đại từ để hỏi:

- Đại từ để hỏi dùng để hỏi về người, sự vật, số lượng, hoạt động, tính chất, sự việc.

II- Luyện tập:

Bài tập 1

a)

| NGÔI SỐ | SỐ ÍT | SỐ NHIỀU |
|---------|---------------|---------------------|
| 1 | Tôi, tớ, mình | Chúng tôi,... |
| 2 | Anh, cậu, bạn | Các anh, các bạn |
| 3 | Nó, hắn | Chúng nó, chúng hắn |

b) Nghĩa của đại từ **mình** trong câu: *Cậu giúp đỡ mình với nhé* (thuộc ngôi thứ nhất)

Nghĩa của đại từ **mình** trong câu: *Mình về... hàm răng mình cười* (thuộc ngôi thứ hai)

Bài tập 2:

Khi xưng hô, một số danh từ chỉ người như ông, bà, chú, bác.. cũng được sử dụng như đại từ xưng hô. Gọi là đại từ xưng hô lâm thời Ví dụ:

Ông ơi! Ông đang làm gì đấy?

Bài tập 3:

- Trong lớp, ai cũng chăm chú lắng nghe thầy giáo giảng bài.

- Trông chị vẫn đẹp làm sao!

- Sao bây giờ anh mới đến.

- Lớp trưởng nhắc nhở bao nhiêu, Năm càng thờ ơ bấy nhiêu.

3. MÔN ANH 7 – TUẦN 4

GV Nguyễn Thị Toàn Bài Tập Tuần 4 ANH 7 Unit 2

I. Phonetics and Speaking

chọn từ có phần gạch chân được phát âm khác.

Question 1. A. of B. coffee C. leaf D. fault

Question 2. A. cough B. laugh C. enough D. through

Question 3. A. knee B. knife C. king D. knitting

Question 4. A. daughter B. weigh C. rough D. thought

Question 5. A. daughter B. draught C. flu D. tough

Question 6. A. allergy B. calorie C. coordinate D. triathlon

Question 7. A. compound B. concentrate C. monopoly D. melody

Question 8. A. essential B. attention C. vegetarian D. depression

Question 9. A. sick B. swimming C. itchy D. riding

Question 10. A. really B. healthy C. regularly D. identify

Question 11. A. eat B. head C. dead D. bread

Question 12. A. attention B. guess C. express D. expression

Question 13. A. kind B. ride C. knife D. kid

Question 14. A. moreover B. enough C. boring D. off

Question 15. A. game B. arrange C. skate D. cake

II. Vocabulary and Grammar

Bài 1. Chọn từ khác loại.

Question 1. A. cough B. weak C. headache D. sore throat

Question 2. A. sunburn B. toothache C. earache D. unhealthy

Question 3. A. sick B. temperature C. tired D. weak

Question 4. A. flu B. stomachache C. allergy D. fat

Question 5. A. sleep B. happy C. live D. smile

Bài 2. Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu.

Question 6. You should eat _____ fruits and vegetables because they are good for your health.

A. more B. less C. little D. no

Question 7. She looks very tired after coming back from work. She should rest _____.

A. more B. less C. little D. no

Question 8. We should spend _____ time on computer games.

A. more B. less C. little D. no

Question 9. Drink _____ green tea and _____ coffee.

A. more/less B. less /less C. little/more D. no/little

Question 10. Smoking can lead to lung cancer, so smoke _____.

A. more B. less C. little D. no

Question 11. _____ vegetables everyday is important.

A. eat B. to eat C. eating D. eats

Bài 3. Chọn câu đúng.

Question 12.

A. I have stomach ache, so I don't want to eat anything.

B. I have stomach ache, or I don't want to eat anything.

Question 13.

A. My mother eats a lot of fruit and vegetables, so she does exercise every morning.

B. My mother eats a lot of fruit and vegetables, and she does exercise every morning.

Question 14.

A. My cousin, Trang is very fat, but she is too lazy to walk.

B. My cousin, Trang is very fat, or she is too lazy to walk.

Question 15.

A. You can eat less, but you can do more exercise.

B. You can eat less, or you can do more exercise.

III. Reading

Bài 1. Chọn đáp án đúng để hoàn thành bài văn sau.

We need calories or (1).....to do the things every day. For example, when we walk to school or (2)a bike to school we spend a certain amount of (3).....and even when we sleep, we also use them. But how many calorie should we (4)a day to stay in shape? It's difficult (5).....us to calculate. If people want to keep (6), they should remember that everyone should have between 1600 and 2500 calories a day.

We get calories (7)the food we eat. If we get too many food and don't take part (8)..... any activities, we can get fat quickly. So besides studying, we should do some (9)....., play sports or do the housework, such as cleaning the floor, cooking etc. Otherwise, we don't eat enough, we will be (10).....and weak.

Question 1. A. food B. energy C. drink

Question 2. A. ride B. come C. drive

Question 3. A. things B. food C. calories

Question 4. A. do B. spend C. have

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 4

| | | |
|--------------------------|---------------|------------|
| Question 5. A. for | B. with | C. in |
| Question 6. A. health | B. fit | C. active |
| Question 7. A. in | B. of | C. from |
| Question 8. A. with | B. in | C. on |
| Question 9. A. exercises | B. activities | C. healthy |
| Question 10. A. good | B. tired | C. thirsty |

4. MÔN VẬT LÝ 7 – TUẦN 4 ĐỊNH LUẬT PHẢN XẠ ÁNH SÁNG

I. Gương phẳng.

Gương phẳng: Mặt nhẵn, phẳng có ảnh trong gương.

Ảnh của vật quan sát được trong gương gọi là ảnh của vật tạo bởi gương.

C1. Mặt kính cửa sổ, mặt nước, mặt tường ốp, gạch men nhẵn bóng, kim loại nhẵn, tấm gỗ phẳng . . .

II. Định luật phản xạ ánh sáng.

Thí nghiệm:

Tia sáng SI gặp gương bị hắt lại cho tia sáng IR, IR gọi là tia phản xạ-----> Hiện tượng này gọi là hiện tượng phản xạ ánh sáng.

1. Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng nào.

Tia tới SI, điểm tới I, đường pháp tuyến IN, tia phản xạ IR.

* Kết luận: Tia phản xạ nằm trong cùng mặt phẳng với “tia tới” và đường pháp tuyến tại điểm tới.

2. Phương của tia phản xạ quan hệ thế nào với phương của tia tới.

Phương của tia tới được xác định bằng góc nhọn: $\widehat{SIN} = i$ là góc tới.

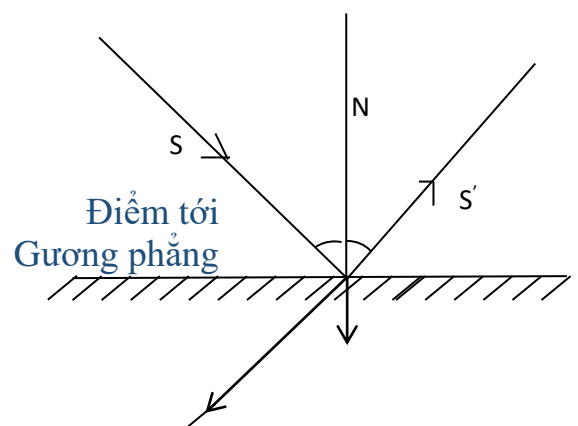
Phương của tia phản xạ được xác định bằng góc nhọn: $\widehat{S'IN} = i'$ là góc phản xạ.

* Kết luận: Góc phản xạ luôn luôn “bằng” góc tới.

3. Định luật phản xạ ánh sáng.

Nội dung định luật gồm 2 kết luận trên.

4. Biểu diễn gương phẳng và các tia sáng trên hình vẽ

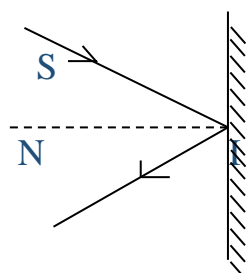


III. Vận dụng.

*Ghi nhớ/SGK

C4.

a)



5. MÔN SINH HỌC 7 – TUẦN 4

CHƯƠNG II: NGÀNH RUỘT KHOANG

Bài 8: THỦY TỨC

I/ Hình dạng ngoài và di chuyển:

- Thủy tức có cơ thể hình trụ, đối xứng tỏa tròn, sống bám, nhưng có thể di chuyển chậm chạp.

- Ví dụ: H.8.1 ; H.8.2 (SGK)

II/ Cấu tạo trong:

- Thủy tức là cơ thể đa bào. Thành cơ thể có 2 lớp tế bào, gồm nhiều loại tế bào có cấu tạo phân hóa.

- Ví dụ: Bảng cấu tạo, chức năng một số tế bào thành cơ thể thủy tức.

III/ Dinh dưỡng:

- Thủy tức bắt mồi nhờ các tua miệng. Quá trình tiêu hóa thực hiện trong ruột túi nhờ tế bào mô cơ – tiêu hóa.

- Thủy tức chưa có cơ quan hô hấp, sự trao đổi khí được thực hiện qua thành cơ thể.

IV/ Sinh sản:

1- Mọc chồi: Khi đầy đủ thức ăn, thủy tức thường sinh sản vô tính bằng cách mọc chồi. Chồi con khi tự kiếm được thức ăn, tách khỏi cơ thể mẹ để sống độc lập.

2- Sinh sản hữu tính: Tế bào trứng được tinh trùng của thủy tức khác đến thụ tinh, sau đó phân cắt nhiều lần, cuối cùng tạo ra thủy tức con.

3- Tái sinh: Từ một phần cơ thể cắt ra, thủy tức có khả năng tái sinh lại toàn bộ cơ thể.

Bài 9: ĐA DẠNG CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG

Ruột có khoảng 10 nghìn loài, rất đa dạng và phong phú.

I/ Sứa:

- Sứa có cấu tạo giống thủy tức, nhưng thích nghi với đời sống di chuyển ở bờ biển. Sứa là động vật ăn thịt, bắt mồi bằng tua miệng.

- Ví dụ: H.9.1 (SGK)

II/ Hải quỳ:

- Hải quỳ có cấu tạo giống Sứa. Chúng sống bám vào bờ đá, không di chuyển. Bắt mồi nhờ tua miệng.

- Ví dụ: H.9.2 (SGK)

III/ San hô:

- San hô có hình trụ, sống bám ở đáy biển. Chỉ khác Hải quỳ, khi sinh sản mọc chồi, cơ thể con không tách rời ra mà dính với cơ thể mẹ, tạo nên tập đoàn san hô có khoang ruột thông với nhau.

- Ví dụ: H.9.3 (SGK)

6. MÔN LỊCH SỬ 7 – TUẦN 4

Bài 6: CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á

1. Sự hình thành của vương quốc cổ Đông Nam Á

* Điều kiện tự nhiên:

- Đông Nam Á là khu vực rộng lớn hiện nay có 11 nước.

- Chịu ảnh hưởng của gió mùa tạo nên 2 mùa: mùa mưa và mùa khô.

- Khí hậu nhiệt đới ẩm, mưa nhiều thuận lợi cho việc trồng lúa nước và các loại rau củ, quả

* Sự hình thành các vương quốc cổ:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 4

-Từ những thế kỉ đầu Công nguyên, cư dân ở đây đã biết sử dụng công cụ sắt. Chính thời gian này các quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á xuất hiện

-Trong 10 thế kỉ đầu sau công nguyên có hàng loạt các quốc gia nhỏ hình thành : Vương quốc Cham pa, Vương quốc Phù Nam.

2. Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á **(HD HS lập niên biểu)**

| Các giai đoạn phát triển | Các quốc gia Đông Nam Á (tên gọi và địa điểm hình thành) |
|----------------------------------|--|
| 10 thế kỉ đầu sau công nguyên | Hình thành các vương quốc cổ + Vương quốc Cham- pa ở Trung bộ Việt Nam. + Vương quốc Phù Nam ở hạ lưu sông Mê Kông. + Các vương quốc cổ ở hạ lưu sông Mê Nam và trên các đảo của In do nê xi a. |
| Thế kỉ X đến thế kỉ XVIII | + Mô- giô- pa- hít ở In- đô- nê- xi-a. + Đại Việt, Cham Pa, Cam- pu- chia ở bán đảo Đông Dương. + Pa- gam ở Mi-an-ma. + Su- khu- thay ở Thái Lan. + Lang Xang ở Lào. |
| Thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX | Thời kì suy yếu của các quốc gia phong kiến : Mặc dù XHPK vaavx tiếp tục tồn tại cho tới khi thành thuộc địa của tư bản phương Tây. |

3. Vương quốc Campuchia (HS tự học)

- Thời kì Chân Lạp :

Thời kì tiền sử trên đất Cam – pu- chia đã có người sinh sống. Trong quá trình xuất hiện nhà nước, tộc người Khơ – me được hình thành, họ giỏi săn bắn, giỏi đào ao ... Đến thế kỉ VI, Vương quốc Chân Lạp ra đời

- Thời kì Ăng-co (từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV) là thời kì phát triển huy hoàng của chế độ phong kiến Cam –pu- chia

+ Nông nghiệp phát triển

+ Lãnh thổ mở rộng

+ Văn hóa độc đáo, mà tiêu biểu nhất nhất là kiến trúc đền tháp ĂngcoVát, Ăng-co Thom... được xây dựng trong thời kì này.

- Từ TK XV – 1863: Thời kì suy yếu, năm 1863 thì bị thực dân Pháp xâm lược

4. Vương quốc Lào.(HS tự học)

- Tộc người đầu tiên trên lãnh thổ Lào là người Lào Thong, về sau có một nhóm người Thái di cư sang gọi là Lào Lùm, với nghề trồng lúa nương, săn bắn và làm một số nghề thủ công

+ Giữa thế kỉ XIV các bộ tộc Lào thống nhất thành một nước riêng gọi là Lan Xang (nghĩa là Triệu Voi)

+ Thế kỉ XV – XVII: thời kì phát triển thịnh vượng.

+ Sang thế kỉ XVIII nước Lan Xang bị suy yếu Xiêm thôn tính, đến cuối thế kỉ XIX bị Pháp đô hộ

- Đối nội: Chia đất nước thành các mường, đặt quan cai trị, xây dựng quân đội vững mạnh.

- Đối ngoại: Luôn giữ mối quan hệ hòa hiếu với các nước Đại Việt, Cam-pu chia nhưng cương quyết chống xâm lược là Miến Điện.

*** Bài tập:** Khu vực Đông Nam Á hiện nay có bao nhiêu nước ? Em hãy kể tên các nước đó?

7. MÔN ĐỊA LÝ 7 – TUẦN 4

Bài 6: MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI

1/Khí hậu:

***Vị trí:**

Nằm trong khoảng từ vĩ tuyến 5° đến chí tuyến ở 2 bán cầu.

***Đặc điểm:**

-Nhiệt độ quanh năm cao, $t^{\circ}b > 20^{\circ}C$.

-Có một mùa mưa và một mùa khô, mùa khô không có mưa. Lượng mưa tb năm từ 500-1500mm, tập trung vào mùa mưa.

- Càng gần chí tuyến biên độ nhiệt càng lớn, lượng mưa càng ít, thời kì khô hạn càng kéo dài.

2/Các đặc điểm khác của môi trường:

-Thiên nhiên thay đổi theo mùa, càng về 2 chí tuyến TV càng nghèo nàn.(Rừng thưa → xavan→thực vật nửa hoang mạc)

-Sông có 2 mùa:1 mùa lũ và 1 mùa cạn.

-Đất đai dễ bị rửa trôi và xói mòn

-Thích hợp trồng nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp. Dân cư tập trung đông đúc.

Bài 7: MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA

1/Khí hậu:

***Vị trí:** Nằm ở khu vực Nam Á, Đông Nam Á.

***Đặc điểm:**

-Nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo mùa gió.

+ Nhiệt độ TB năm $> 20^{\circ} C$, biên độ nhiệt năm khoảng $8^{\circ} C$

+ Có một mùa mưa và một mùa khô, mùa khô ngắn có lượng mưa nhỏ. Lượng mưa TB $> 1000mm$,

- Thời tiết diễn biến thất thường: mùa mưa có mẫn đến sớm, có năm đến muộn; có năm mưa nhiều, có năm mưa ít; có năm rét nhiều, có năm rét ít...

2/Các đặc điểm khác của môi trường:

-Thảm thực vật phong phú và đa dạng, thay đổi theo không gian và theo thời gian.

- Là khu vực thích hợp trồng cây lương thực và cây công nghiệp nhiệt đới nên là khu vực tập trung đông dân trên thế giới.

Hướng dẫn về nhà

-Bài tập 4: GV hướng dẫn HS nhận biết được :

- Biểu đồ bên trái: đường biến t° với 2 lần tăng cao trong năm, t° năm $> 20^{\circ}C$, 1 thời kì khô hạn →đặc điểm KHNĐ ở BBC.
- Biểu đồ bên phải: $t^{\circ} > 20^{\circ} C$, biên độ nhiệt năm $> 15^{\circ} C$, 1 mùa khô dài 6 tháng →đặc điểm KHNĐ ở NBC.

Chú ý:mùa ở 2 BC trái ngược nhau: BBC mưa từ tháng 11-4 và đó là mùa hạ ở NBC.

8. MÔN CÔNG NGHỆ 7 – TUẦN 4

BÀI 7: TÁC DỤNG CỦA PHÂN BÓN TRONG TRỒNG TRỌT

I. Phân bón là gì?

Phân bón là thức ăn do con người bổ sung cho cây trồng. Có 3 nhóm phân bón là phân hữu cơ, phân hóa học và phân vi sinh.

II. Tác dụng của phân bón:

Phân bón làm tăng độ phì nhiêu của đất, tăng năng suất cây trồng và tăng chất lượng nông sản.

- *BÀI TẬP:** 1. Thế nào là phân bón? Có mấy nhóm chính? Kể ra.
2. Phân bón có tác dụng như thế nào?

**BÀI 9: CÁCH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN
CÁC LOẠI PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG**

I. Cách bón phân:

- Bón lót là bón phân vào đất trước khi gieo trồng.
- Bón thúc là bón phân trong thời gian sinh trưởng của cây.
- Có nhiều cách bón: Có thể bón vãi, bón theo hàng, bón theo hốc, phun trên lá.

II. Cách sử dụng các loại phân bón thông thường:

- Khi sử dụng phân bón phải chú ý tới các đặc điểm của từng nhóm.
- Phân hữu cơ: bón lót.
- Phân vô cơ: bón thúc.
- Phân lân: bón lót hoặc bón thúc

III. Bảo quản các loại phân bón thông thường:

Khi chưa sử dụng để đảm bảo chất lượng phân bón cần phải có biện pháp bảo quản chu đáo như:

- + Đặt trong chum, vại, sành đậy kín hoặc bọc kín bằng bao nilông.
- + Để ở nơi khô ráo, thoáng mát.
- + Không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau.

***BÀI TẬP:**

1. Có mấy cách bón phân? Thế nào là bón lót, bón thúc?
2. Hãy cho biết các cách sử dụng phân bón thông thường.
3. Người ta bảo quản các loại phân bón thông thường bằng cách nào?

9. MÔN GDCD 7 – TUẦN 4

LUYỆN TẬP NỘI DUNG BÀI 1,2,3

Bài 1: Sống giản dị

- ? Thế nào là sống giản dị?
- ? Biểu hiện của lối sống giản dị? Cho VD?
- ? Tìm những biểu hiện trái với giản dị?
- ? Sống giản dị có ý nghĩa như thế nào?
- ? Là HS em phải rèn luyện tính giản dị như thế nào?
- ? Em hãy sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ nói về tính giản dị?

Bài 2: Trung thực:

- ? Em hiểu thế nào là trung thực?
- ? Trung thực có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người?
- ? Sưu tầm tục ngữ, ca dao nói về tính trung thực?

Bài 3: Tự trọng:

- ? Thế nào là tự trọng? Cho ví dụ về tính tự trọng.

? Những biểu hiện nào thiếu tự trọng?

? Trong học tập, những biểu hiện nào thể hiện lòng tự trọng ?

? Tự trọng có ý nghĩa, tác dụng gì đối với bản thân?

? Để rèn luyện tính tự trọng em phải làm gì?

10. MÔN TIN HỌC 7 – TUẦN 4

BÀI 2. CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH VÀ DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH (Tiếp theo)

1. Bảng tính:

2. Các thành phần chính trên trang tính

3. Dữ liệu trên trang tính

a. Dữ liệu số:

- Dữ liệu số là các số 0,1,...,9, dấu cộng(+) chỉ số dương, dấu trừ (-) chỉ số âm và dấu % chỉ tỉ lệ phần trăm. Dữ liệu số có thể là số nguyên hoặc số thập phân.

VD: 9,200,-200,2%.....

b. Dữ liệu kí tự:

- Dữ liệu kí tự là dãy các chữ cái, chữ số và các kí hiệu.

VD:”Lop 7A”,”Hoc Tap”...

Ngâm định dữ liệu kí tự được căn lề trái.

4. Chọn các đối tượng trên trang tính

Để chọn các đối tượng trên trang tính ta thực hiện như sau:

- Chọn một ô: Đưa con trỏ chuột tới ô đó và nháy chuột.

- Chọn một hàng: Nháy chuột tại nút tên hàng.

- Chọn một cột: Nháy chuột tại nút tên cột.

- Chọn một khối: Kéo thả chuột từ một ô góc đến ô ở góc đối diện.

----------

Bài thực hành 2: LÀM QUEN VỚI EXCEL

1. Mở bảng tính và lưu bảng tính với một tên khác:

a. Mở bảng tính

- Mở bảng tính mới: Vào bảng chọn File chọn lệnh New .

- Mở bảng tính đã lưu: Mở thư mục chứa tệp và nháy đúp chuột vào biểu tượng của file.

b. Lưu bảng tính với một tên khác

Ta có thể lưu một bảng tính đã được lưu trước đó với một tên khác mà không mất đi bảng tính ban đầu bằng cách dùng lệnh: **File → Save as** khi đó cửa sổ Save as xuất hiện, ta chọn thư mục để lưu và nhập tên mới, kết thúc nhấn Enter hoặc chọn Save

2. Bài tập:

Bài tập 1: Tìm hiểu các thành phần chính của trang tính.

Các thành phần chính trên trang tính gồm :

- Ô tính.

- Cột.

- Hàng.

- Khối

- Hộp tên.

- Thanh công thức

Bài tập 2: Chọn các đối tượng trên trang tính

- Chọn một đối tượng tùy ý. Nhấn giữ phím Ctrl và chọn một đối tượng khác. Hãy cho nhận xét về kết quả nhận được.

11. MÔN ÂM NHẠC 7 – TUẦN 4
TIẾT 4- HỌC HÁT BÀI LÍ CÂY ĐÀ
BÀI ĐỌC THÊM : HỘI LIM

NỘI DUNG BÀI HỌC

1/ Tìm hiểu bài :

“ Lí cây đa “

Dân ca quan họ Bắc Ninh

_ Bài hát “ lí cây đa “ là một trong những bài hát mang làn điệu dân ca quan họ Bắc Ninh.

_ Một vài bài hát có làn điệu dân ca quan họ như : Cây trúc xinh , Bèo dạt mây trôi , Hoa thơm bướm lượn....

2/ Học hát .

Phần học hát hs tìm hiểu về : trường độ , nhịp , giọng ,cao độ , tiết tấu.

HS mở trên kênh youtube nghe qua bài hát “ lí cây đa “ hs hát theo phần nhạc đệm

12. MÔN MỸ THUẬT 7 – TUẦN 4

BÀI 3 VẼ TRANG TRÍ

HỌA TIẾT TRANG TRÍ

NỘI DUNG BÀI HỌC

1/ Quan sát - nhận xét

_ Một số họa tiết trang trí trên lọ hoa , đường diềm , hình vuông , chữ nhật .

_ Họa tiết trang trí thường là hình hoa ,lá, chim, thú ,mây ,mặt trời , mặt trăng .

_ Vẽ đơn giản ,cách điệu mà vẫn giữ được đặc điểm của mẫu.

_ Đặc điểm được tạo ra phải phù hợp với vị trí đặt họa tiết.

_ Họa tiết chim ,hươu trang trí trong vòng tròn mặt trống đồng .

_ Họa tiết người và chim trang trí trên vải thổ cẩm.

2/ Cách tạo trang trí

a. Lựa chọn nội dung họa tiết.

_ Chọn nội dung họa tiết có hình dạng đẹp, đường nét rõ ràng ,hài hòa ,cân đối .

_ Lá : Mướp ,gấc , lá trà , lá bưởi .

_ Hoa sen , hoa cúc , hoa mướp

_ Cảnh : các cụm hoa ,lá ,quả .

_ Các con vật : con gà ,con vịt ,con tôm ,con cá , con chim .

b/ Quan sát mẫu thật :

Học sinh chọn những mẫu ưng ý rồi ghi chép lại

c/ Tạo họa tiết trang trí .

_ Đơn giản : lược bỏ các chi tiết không cần thiết .

_ Cách điệu : sắp xếp lại các chi tiết hình , nét sao cho hài hòa ,cân đối ,thêm hoặc bớt một số nét - giữ được đặc trưng của mẫu.

3/ Thực hành.

Tạo 3 họa tiết trang trí theo ý thích

13. MÔN THỂ DỤC 7 – TUẦN 4

Bài học: ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ – CHẠY NHANH - CHẠY BỀN

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

1.1. Nội dung 1: ĐHĐN :

Ôn:

*Đi đều vòng phải, vòng trái, đứng lại

- Khẩu lệnh: "Vòng bên phải (trái) ... bước"

+ Động lệnh "bước" bao giờ cũng rơi vào chân bên sẽ vòng để chuyển hướng đi. Khi nghe thấy động lệnh thì em đi đầu hàng bước thêm 1 bước về trước (ngược với hướng vòng) rồi đặt chân bên vòng chéo về phía cần vòng đẩy người quay về phía đó 90 độ sau đó tiếp tục đi

KLệnh : "Đứng lại ...Đứng" Sau động lệnh đứng (rơi vào chân phải) sau đó bước chân trái về trước 1 bước đồng thời thu chân phải về đứng nghiêm.

* Đổi chân khi sai nhịp : Thay bằng bước chân sau về trước thì nhanh chóng chuyển thành một bước trượt để chân trước tiếp tục bước về trước sau đó đi bình thường.

1.2. Nội dung 2: CHẠY NHANH:

- Một số động tác phát triển sức nhanh : Chạy bước nhỏ, nâng cao đùi, gót chạm mông; Đứng mặt hướng chạy xuất phát.

1.3. Nội dung 3: CHẠY BỀN: trên địa hình tự nhiên:

- Chạy theo từng tốp mỗi tốp 10 – 15 em

+ Không tính thành tích mà chỉ tính thời gian chạy mỗi đợt chạy từ 1 – 3 phút

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

2.1. Nội dung 1: ĐHĐN:

- Đi đều vòng trái, vòng phải, đứng lại - đổi chân khi đi đều sai nhịp.

2.2. Nội dung 2: CHẠY NHANH:

- Một số động tác phát triển sức nhanh : Chạy bước nhỏ, nâng cao đùi, gót chạm mông; Đứng mặt hướng chạy xuất phát.

2.3. CHẠY BỀN: trên địa hình tự nhiên:

- Chạy theo từng tốp mỗi tốp 10 – 15 em

+ Không tính thành tích mà chỉ tính thời gian chạy mỗi đợt chạy từ 1 – 3 phút

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Về nhà ôn luyện nội dung: tập hợp hàng dọc, ngang, điểm số, dàn hàng, dồn hàng, chạy bước nhỏ, nâng cao đùi, gót chạm mông, tư thế mặt hướng chạy...